

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ PHÚC THỊNH**

Số: 34.21/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phúc Thịnh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán  
ngân sách năm 2026 của xã Phúc Thịnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC THỊNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 5969/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; dự toán thu - chi ngân sách năm 2026; biên chế hành chính, sự nghiệp; khoa học và công nghệ năm 2026 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 03/12/2025 của HĐND xã Phúc Thịnh về việc thông qua dự toán thu, chi ngân sách xã Phúc Thịnh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 03/12/2025 của HĐND xã Phúc Thịnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công xã Phúc Thịnh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Phúc Thịnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu, chi ngân sách; biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2026 xã Phúc Thịnh;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 1199/TTr-KT ngày 22/12/2025 của Phòng Kinh tế về việc đề nghị công khai dự toán ngân sách năm 2026,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của xã Phúc Thịnh.

(Chi tiết các biểu kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND Xã; Trưởng phòng Kinh tế Xã và thủ trưởng các đơn vị liên quan và chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3; ✓
- UBND Thành phố;
- Sở Tài chính Hà Nội;
- TT: Đảng uỷ; HĐND Xã;
- Lãnh đạo UBND Xã;
- Các đơn vị dự toán thuộc Xã;
- Lưu: VT, KT. ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Bằng**



**CÂN ĐỐI TỔNG HỢP NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 3921/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Phúc Thịnh)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán năm 2026	Nội dung chi	Dự toán năm 2026
	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>2.919.793.000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>2.919.793.000</b>
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	1.347.586.000	Chi đầu tư XDCB	2.451.941.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	146.479.000	Chi thường xuyên	433.793.000
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.425.728.000	Dự phòng	34.059.000
	- Bổ sung cân đối ngân sách	208.867.000		
	- Bổ sung có mục tiêu	1.216.861.000		
IV	Thu chuyển nguồn từ nguồn CCTL năm 2025 chuyển sang	0		



**TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 3421/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Phúc Thịnh)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán Năm 2026	
		Thu NSNN	THU NSX
	<b>TỔNG THU</b>	<b>3.305.267.000</b>	<b>2.919.793.000</b>
<b>I</b>	<b>Số thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp</b>	<b>1.879.539.000</b>	<b>1.494.065.000</b>
<b>1</b>	<b>Các khoản thu được hưởng 100%</b>	<b>1.347.586.000</b>	<b>1.347.586.000</b>
	- Lệ phí trước bạ	83.550.000	83.550.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.500.000	3.500.000
	- Thu phí, lệ phí	423.000	423.000
	- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản	7.000.000	7.000.000
	- Thu khác	2.184.000	2.184.000
	- Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	31.849.000	31.849.000
	- Tiền sử dụng đất	1.218.800.000	1.218.800.000
	- Thuế tài nguyên	280.000	280.000
<b>2</b>	<b>Các khoản thu được hưởng theo tỷ lệ (%)</b>	<b>531.953.000</b>	<b>146.479.000</b>
	- Thu phí, lệ phí	22.927.000	-
	- Thuế giá trị gia tăng	259.640.000	83.085.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.130.000	681.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	132.720.000	42.470.000
	- Thuế thu nhập cá nhân	102.730.000	20.243.000
	- Thu khác	11.806.000	-
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>1.425.728.000</b>	<b>1.425.728.000</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	208.867.000	208.867.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.216.861.000	1.216.861.000
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ nguồn CCTL năm 2024 chuyển sang</b>	<b>0</b>	<b>0</b>



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số ~~3421~~ /QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Phúc Thịnh)

Đơn vị: 1000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2026		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>2.919.793.000</b>	<b>2.451.941.000</b>	<b>467.852.000</b>
	<b>Trong đó:</b>			
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>2.451.941.000</b>	<b>2.451.941.000</b>	<b>-</b>
1	Chi từ cân đối ngân sách Xã	1.336.800.000	1.336.800.000	-
2	Chi từ mục tiêu thành phố	1.115.141.000	1.115.141.000	-
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>433.793.000</b>	<b>-</b>	<b>433.793.000</b>
1	Chi quốc phòng	2.708.000	-	2.708.000
2	Chi an ninh	5.400.000	-	5.400.000
3	Chi KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	3.818.000	-	3.818.000
4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	260.939.000	-	260.939.000
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số, KHHGD	32.905.000	-	32.905.000
6	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	5.482.000	-	5.482.000
7	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	400.000	-	400.000
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	600.000	-	600.000
9	Chi bảo vệ môi trường	12.937.000	-	12.937.000
10	Chi các hoạt động kinh tế	3.615.000	-	3.615.000
11	Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	59.902.000	-	59.902.000
12	Chi bảo đảm xã hội	44.987.000	-	44.987.000
13	Chi khác ngân sách	100.000	-	100.000
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>34.059.000</b>	<b>-</b>	<b>34.059.000</b>
<b>IV</b>	<b>Nguồn CCTL chưa phân bổ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2026**  
(Kèm theo Quyết định số 3421/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Phúc Thịnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
I	2	3	4	5	6	3	4	5	4	5	6	6	7	8	9	10	11
	Tổng số	-	-	209	0	0	0	0	28.125.079	0	25.223.524	2.675.058	0	2.451.941	0	1.336.800	0
A	Dự án thực hiện đầu tư			135	0	0	0	0	10.379.317	0	7.720.150	2.659.167	0	2.259.471	0	1.144.330	0
I	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			10	0	0	0	0	989.649	0	651.038	338.611	0	412.038	0	152.038	0
2	Xây dựng trung tâm mầm non Nam Hồng giai đoạn 2			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2022	Quy mô 14 nhóm lớp	10181/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	66.613		40.913	25.700		30.000			
3	Xây dựng trường mầm non thị trấn 2			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	Quy mô 14 lớp học đạt chuẩn QG, khoảng 420 học sinh	14376/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	80.038		57.791	22.247		40.000			
4	Xây dựng trường tiểu học Nam Hồng 2			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2020	Quy mô 30 lớp học, 1050 học sinh	2169/QĐ-UBND ngày 23/4/2020; ĐCDA-1943/QĐ-UBND ngày 13/03/2024	139.002		47.327	91.675		10.000			
5	Đầu tư xây dựng hoàn thiện trường Tiểu học Bắc Hồng theo quy hoạch			1	Xã Phúc Thịnh	2022-2026	Mở rộng diện tích trường, xây dựng mới, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật	3583/QĐ-UBND ngày 22/4/2024	31.653		23.741	7.912		22.038		22.038	
6	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Lê Hữu Trụ			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	Đầu tư quy mô 30 lớp học và đẩy đủ các phòng chức năng	14379/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	161.875		94.946	66.929		50.000		20.000	
7	Cải tạo, mở rộng trường tiểu học Nam Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2022	Quy mô 30 lớp học, khoảng 1050 học sinh	14378/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	96.843		66.343	30.500		50.000		20.000	

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
8	Xây dựng trường mầm non Thôn Đoài xã Nam Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	Quy mô 12 nhóm lớp, đầy đủ phòng chức năng	7569/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	74.302		56.224	18.078	33.000		3.000		
9	Xây dựng trường tiểu học Nam Hồng B			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	Quy mô 30 lớp học, khoảng 1050 học sinh	7571/QĐ-UBND ngày 20/05/2025	116.582		90.772	25.810	60.000		30.000		
10	Xây dựng trường THCS Văn Nội			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	Quy mô 20 lớp học, khoảng 600 học sinh	7573/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	122.035		96.285	25.750	53.000		23.000		
11	Xây dựng trường THCS Nam Hồng 2			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	Quy mô 14 lớp học và các phòng học bộ môn	7574/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	100.706		76.696	24.010	64.000		34.000		
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực: Văn hóa, thông tin</b>			<b>14</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>288.372</b>	<b>0</b>	<b>151.202</b>	<b>137.170</b>	<b>99.300</b>	<b>0</b>	<b>99.300</b>	<b>0</b>	
12	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng phía Tây thôn Thượng Phúc, xã Bắc Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	XD nhà sinh hoạt cộng đồng, thư viện sách, nhà phụ trợ và các HTKT khác	7526/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	17.057		3.057	14.000	2.800		2.800		
13	Đầu tư xây dựng một số điểm sinh hoạt cộng đồng thôn Thụy Hà, xã Bắc Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	ĐTXD 3 khu đất với diện tích lần lượt S=650m2, S=320m2, S=120m2	7594/QĐ-UBND ngày 20/05/2025	3.400		1.850	1.550	1.650		1.650		
14	Xây dựng điểm sinh hoạt cộng đồng khu vực sân bóng xóm Cờ thôn Trung Oai, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	S=12.500m2	7435/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	13.249		8.249	5.000	5.850		5.850		
15	Cải tạo, nâng cấp điểm sinh hoạt cộng đồng khu nhà văn hóa xóm Ngõ, xóm Đông, xóm Đường thôn Khê Nũ, xã Nguyên Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung thiết bị các điểm sinh hoạt cộng đồng nhà văn hóa	1939/QĐ-UBND ngày 2/12/2025	10.098		10.068	30	7.000		7.000		
16	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Nguyên Khê, xã Nguyên Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	Tu bổ, tôn tạo di tích	187/QĐ-UBND ngày 10/01/2024	40.664		3.333	37.331	700		700		
17	Giải ngân linh hoạt (để bố trí cho các dự án đã có QTDHAT và một số dự án CBDT, chi phí GPMB, thiết kế BVTC trong năm hoặc thực hiện theo Kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền)			1	Xã Phúc Thịnh	2023-2027	Tu bổ, tôn tạo di tích	858/QĐ-UBND ngày 21/03/2023	14.877		9.094	5.783	8.000		8.000		

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
18	Tiết kiệm 5% chi đầu tư để bổ sung nguồn đầu tư công trình đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	Tu bổ, tôn tạo di tích	13916/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	24.777		1.777	23.000	100		100		
19	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Địa, xã Nam Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	Tu bổ, tôn tạo di tích	10220/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	26.471		11.560	14.911	10.000		10.000		
20	Tu bổ, tôn tạo chùa thôn Cán Khê, xã Nguyễn Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	Tu bổ, tôn tạo di tích	12737/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	22.180		12.180	10.000	2.800		2.800		
21	Tu bổ, tôn tạo đền Cán Khê, xã Nguyễn Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	Tu bổ, tôn tạo di tích	12738/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	23.859		13.859	10.000	4.200		4.200		
22	Tu bổ, tôn tạo chùa Vệ (Thiên Hương Tự), xã Nam Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	Tu bổ, tôn tạo di tích	7097/QĐ-UBND ngày 15/05/2025	24.376		23.876	500	22.200		22.200		
23	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Vân Trì, xã Vân Nội			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	Tu bổ, tôn tạo, Đại đình, nhà Tà mạc - Hữu mạc, nhà kho, phụ trợ, HTKT	3557/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	24.835		17.685	7.150	12.000		12.000		
24	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Yên, thôn Đông Tây, xã Vân Nội			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Tu bổ, tôn tạo di tích	5114/QĐ-UBND ngày 09/04/2025	29.996		22.121	7.875	12.000		12.000		
25	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa xóm Ấp thôn Lương Nỗ, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung thiết bị	1940/QĐ-UBND ngày 2/12/2025	12.533		12.493	40	10.000		10.000		
III	Lĩnh vực: Thể dục, thể thao			2		-			284.204		245.208	38.996	46.100		1.100		
26	Xây dựng sân bóng đá kết hợp trồng cây xanh thôn Đoài, xã Nam Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	7.320m2	6190/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	8.777		1.237	7.540	1.100		1.100		
27	Xây dựng khu cây xanh thể dục thể thao xã Tiên Dương, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2023-2026	Xây dựng nhà thi đấu đa năng; sân bóng đá cỏ nhân tạo, Xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật...	DA-12063/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	275.427		243.971	31.456	45.000				
IV	Lĩnh vực: Môi trường			2		-			34.298		18.066	16.232	9.430		9.430		

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
28	Kè ao từ nhà ông Sen đến nhà ông Nội thôn Sơn Du			1	Xã Phúc Thịnh	2023-2026	Kè ao diện tích khoảng 3807m <sup>2</sup>	9622/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 Điều chỉnh: 12343/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	24.160		9.576	14.584	2.900		2.900		
29	Xây dựng khu cây xanh phía Nam xóm Lác, thôn Trung Oai, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	S=3.646m <sup>2</sup>	7587/QĐ-UBND ngày 20/05/2025	10.138		8.490	1.648	6.530		6.530		
V	Lĩnh vực: Y tế, dân số và gia đình			1	-	-	-	-	14.982		11.940	3.042	5.000	-	0	-	-
30	Xây dựng trạm y tế xã Bắc Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Xây dựng hạng mục mới, hoàn thiện HTKT bên ngoài	DA-3540/QĐ-UBND ngày 20/3/2025	14.982		11.940	3.042	5.000				
VI	Lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình, thông tấn			1	-	-	-	-	5.206		5.166	40	4.340	-	4.340	-	-
31	Cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền thanh xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Cải tạo, bổ sung thiết bị	1941/QĐ-UBND ngày 2/12/2025	5.206		5.166	40	4.340		4.340		
VII	Lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế			80	-	-	-	-	5.640.423		4.567.283	1.073.140	1.169.190	-	552.584	-	-
	Lĩnh vực giao thông			58	-	-	-	-	4.020.788		3.079.772	941.016	865.375	-	266.969	-	-
36	Xây dựng tuyến đường gom và kè sông Đào Nguyễn Khê đoạn từ cầu Đồi đến đường sắt Hà Nội - Lào Cai, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2020-2023	Chiều dài L=2,5km. Chiều rộng B=13-:-17m	8225/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND Huyện Đông Anh	293.807		139.586	154.221	2.000		2.000		
37	Xây dựng tuyến đường gom và kè sông Đào Nguyễn Khê đoạn từ đường sắt Hà Nội - Lào Cai đến Cầu Phù Lỗ, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2021-2027	L=3,6km, B=13-:-17m	8051/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; 1944/QĐ-UBND ngày 2/12/2025	449.555		304.412	145.143	20.000				
38	Chỉnh trang, cải tạo nâng cấp tuyến đường gom, via hè phía Đông đường Quốc lộ 3, huyện Đông Anh (đoạn từ nút giao thông đường sắt Hà Nội - Lào Cai đến ngã tư Nguyễn Khê)			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2020	L= 2,32km B= 15m Bhè= 8m Bd= 7m	7371/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND Huyện Đông Anh	149.259		55.901	93.358	15.000		15.000		
39	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Nguyễn Khê qua phía Đông thôn Cán Khê và xóm Núi đến đường gom sông Đào Nguyễn Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2022-2026	(L=1,12km, B=17,5m) + (L=170m, B=13m)	11185/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	66.709		27.306	39.403	2.000				

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
40	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Vân Tri đến thôn Ba Chử, xã Vân Nội theo quy hoạch			1	Xã Phúc Thịnh	2022-2026	L=0,467km, B=17,5m	4212/QĐ-UBND ngày 3/6/2021	33.134		23.722	9.412	2.000				
41	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ khu sinh thái Mefrimex đến đường trục trung tâm xã Bắc Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2020	L=1,2km, B=15,5m	76137/QĐ-UBND ngày 20/05/2025 của UBND Huyện Đông Anh	65.503		54.778	10.725	27.000			27.000	
42	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ khu đấu giá quyền sử dụng đất Nguyễn Khê đến phía Đông thôn Khê Nữ, xã Nguyễn Khê theo quy hoạch			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	L=470;B:13-17,5m	3822/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND huyện Đông Anh	31.282		24.905	6.377	10.830				
43	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-09) từ thôn Mỹ Nội đến khu sinh thái Mefrimex			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	L=1020;B=17,5-20,5m	DA-3619/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	74.757		61.892	12.866	24.000				
44	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ Cụm công nghiệp Nguyễn Khê qua khu X2 Nguyễn Khê đến đường gom sông Đào, xã Nguyễn Khê, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2022	L=0,76km;B:17,5m	DA-10133/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	51.633		41.131	10.502	11.600			11.600	
45	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N5-12) từ Khu đất dịch vụ X2 Nguyễn Khê đến Khu đấu giá Nguyễn Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	L=390;B=17-21,25m	7612/QĐ-UBND ngày 20/5/2025 của UBND Huyện Đông Anh	30.153		24.962	5.191	17.000				
46	Chỉnh trang, mở rộng tuyến đường cấp khu vực (N5-14) phía Đông thôn Khê Nữ			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	L=740;B=20,5m	DA-3914/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	89.435		77.918	11.517	25.000				
47	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom phía Nam đường sắt Hà Nội – Lào Cai (Đoạn qua thôn Lương Nỗ và Thị Trấn Đông Anh)			1	Xã Phúc Thịnh	2021-2023	L=486,67m;B:4m	DA-10125/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	6.442		1.396	5.046	500			500	
48	Đầu tư xây dựng tuyến đường phía Đông thôn Địa (N3-07) từ đường 23B đến UBND xã Nam Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	L=1015;B=17-22m	QĐ số 6237/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	97.418		68.642	28.776	16.000				
49	Đầu tư xây dựng tuyến đường bao phía Bắc và phía Tây thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương theo quy hoạch			1	Xã Phúc Thịnh	2021-2026	L=0,72km;B=10-13m	10007/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	53.368		45.354	8.014	19.000				
50	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-06) từ Bắc thôn Đoài đến hết địa phận huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	L=615;B=17,5m	DA-10185/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	40.970		34.985	5.985	18.000				
51	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-11) phía Đông thôn Quan Âm đến hết thôn Bến Trung			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	L=1450; B=20,5m	3620/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	138.883		113.238	25.645	49.000				

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
52	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-12) phía Đông Đầm Sơn Du			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	L=0,74km, B=20,5m	3154/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	65.868		59.387	6.481	3.000				
53	Đầu tư xây dựng tuyến đường khu vực (NC-1) phía Bắc thôn Cán Khê đi thôn Tiên Hùng đến đường gom đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	L=2,2km;B=17m	5060/QĐ-UBND ngày 08/04/2025	244.730		218.616	26.114	70.000				
54	ĐT XD tuyến đường bao phía Bắc xóm Đầm và phía Tây xóm Tây xã Văn Nội theo quy hoạch			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	L=0,76km	751/QĐ-UBND ngày 10/02/2025	55.357		48.273	7.084	35.000				
55	Chỉnh trang mở rộng tuyến đường cấp khu vực (N7-10) từ đường 23B đến xóm Cờ thôn Trung Oai xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	L=685; B=20,5m	2396/QĐ-UBND ngày 11/3/2025	94.091		77.075	17.016	41.151				
56	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-11) từ Đường 23B đến đường Võ Nguyên Giáp			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	L=2135; B=20,5m	14534/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	183.792		147.998	35.794	73.925				
57	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-12) từ thôn Tiên Kha đến thôn Lương Nỗ			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	L=890m	3615/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	73.458		60.418	13.040	30.000				
58	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N7-13) từ khu đầu giá Đông Nam Cổ Dương đến Khu đầu giá A4, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	L=560; B=20,5m	14535/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	53.343		44.710	8.633	24.000				
59	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N5-11) từ Chợ lợp ghép đến trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	L=857m; B=17,5 - 21,25m	3618/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	80.962		71.183	9.779	18.000				
60	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N5-13) từ đường gom Kênh đào đến đường Võ Nguyên Giáp			1	Xã Phúc Thịnh	2021-2026	L=1920;B=17-21,25m	8479/QĐ-UBND ngày 13/7/2022	235.000		234.334	666	15.950		15.950		
61	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (GN-08) phía Tây Bắc thôn Tăng My xã Nam Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	L=1590;B=17-21,25m	5393/QĐ-UBND ngày 15/04/2025	168.071		146.013	22.058	35.000				
62	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-03) từ chân cầu Vượt Nam Hồng đi đường trục đô thị Mê Linh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	L=1,28km; B=17,5m	7616/QĐ-UBND ngày 20/05/2025	166.072		148.735	17.337	32.500				
63	Đầu tư xây dựng tuyến đường cấp khu vực (N3-04) từ Nam thôn Đoài đi qua đường trục đô thị Mê Linh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	L=2,03km; B=17,5m	7618/QĐ-UBND ngày 20/05/2025	166.600		142.375	24.225	33.000				
64	Chỉnh trang, cải tạo nâng cấp tuyến đường gom, vỉa hè phía Đông đường Quốc lộ 3, huyện Đông Anh (đoạn từ ngã tư Nguyễn Khê đến cầu Phú Lỗ)			1	Xã Phúc Thịnh	2021-2024	L=870m ; B=14,5 - 15m	7372/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	130.077		121.328	8.749	20.000		20.000		
65	ĐT XD tuyến đường gom dọc đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên (đoạn từ đường Nguyễn Khê đến đê sông Cà Lồ theo quy hoạch)			1	Xã Phúc Thịnh	2021-2026	L=1600m	1635/QĐ-UBND ngày 25/11/2025	90.657		90.012	645	15.000		15.000		

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
66	ĐT XD tuyến đường gom dọc đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên (đoạn từ đường Lâm Tiên đến khu đầu giá Đông Nguyên Khê theo quy hoạch)			1	Xã Phúc Thịnh	2021-2026	L=1.10km	6492/QĐ-UBND ngày 23/5/2022	127.545		127.139	406	1.000		1.000		
67	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường, mương nội đồng số 3, số 4 thôn Thụy Hà, xã Bắc Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	0	3985 ngày 21/3/2025	14.612		1.582	13.030	1.500		1.500		
68	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường, mương nội đồng số 1, số 2 thôn Thụy Hà, xã Bắc Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường, tổng chiều dài L=1629,15m	3989 ngày 21/3/2025	11.016		3.336	7.680	2.500		2.500		
69	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến ngõ phía Bắc thôn Bến Trung, xã Bắc Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường, tổng chiều dài 2023,88m	10190/QĐ-UBND ngày 09/10/2024	14.767		2.038	12.729	1.200		1.200		
70	Cải tạo, nâng cấp đường, hệ thống thoát nước số 3, số 4, số 5 thôn Bến Trung, xã Bắc Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường, tổng chiều dài L=1998m	3946/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	14.981		4.851	10.130	1.500		1.500		
71	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường, ngõ số 10 thôn Trung Oai, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2023-2026	L=1.848,23m	12072/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	20.620		2.232	18.388	1.400		1.400		
72	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường, ngõ số 4 thôn Lễ Pháp, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	L=1.625,13m	6191/QĐ-UBND ngày 24/06/2024	13.188		1.750	11.438	600		600		
73	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường số 5 thôn Trung Oai, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	L=1.512,6m	12588/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	12.049		3.248	8.801	1.520		1.520		
74	Xây dựng bãi đỗ xe kết hợp trồng cây xanh giáp ao lớn thôn Đoài, xã Nam Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	S=4934,16 m2	10114/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	10.094		7.393	2.701	7.200		7.200		
75	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường số 5 thôn Địa xã Nam Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	L=290,24m	11706/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	2.888		1.368	1.520	1.200		1.200		
76	Cải tạo chỉnh trang đường và hệ thống hạ tầng Tuyến T5 thôn Đoài, xã Nam Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	L=944,56m	3579/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	11.020		2.803	8.217	2.500		2.500		
77	Cải tạo, mở rộng đường giao thông và rãnh thoát nước thôn Đoài (đoạn từ đường Võ Văn Kiệt qua nhà văn hóa đến đường QL23B) (GDD)			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	L=449,76m	7500/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	20.406		15.406	5.000	15.000		15.000		

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
78	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường số 2 thôn Đại Bằng, xã Nguyễn Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng giao thông và thoát nước, L=460,32m, rãnh B400, B600, công D400, Cây xanh	3954/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	14.863		6.507	8.356	3.000		3.000		
79	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính phía Bắc thôn Sơn Du, xã Nguyễn Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Cải tạo mặt đường, thoát nước các tuyến đường hiện có L=500m	7496/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	30.223		28.723	1.500	12.000		12.000		
80	Chỉnh trang tuyến đường Tây Nam xóm Đường Khê Nữ từ công làng đến Chùa			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Chiều dài khoảng L=331,16m;	7498/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	23.134		19.634	3.500	13.515		13.515		
81	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 4 thôn Lương Nỗ, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	L=358,26m; B=7m	10016/QĐ-UBND ngày 03/10/2024	27.094		21.290	5.804	12.325		12.325		
82	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 1 thôn Thổ Bảo, xã Vân Nội			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	L = 329,67 m	7485/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	13.984		7.219	6.765	7.200		7.200		
83	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường dân sinh T9 thôn Tăng My, xã Nam Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	L=1382m	3991/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	11.328		8.298	3.030	4.000		4.000		
84	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường dân sinh T12 thôn Vệ, xã Nam Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	L=2476m	7602/QĐ-UBND ngày 20/05/2025	14.933		10.933	4.000	8.000		8.000		
85	Cải tạo các tuyến đường phía Đông xóm Ngõ thôn Khê Nữ, xã Nguyễn Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	Tổng chiều dài tuyến đường là 1390,96m	7464/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	17.755		7.525	10.230	2.000		2.000		
86	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường giữa làng từ xóm Chùa đến xóm Ngõ thôn Khê Nữ, xã Nguyễn Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	Tổng chiều dài tuyến đường là 687,80m	7465/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	12.057		8.527	3.530	6.000		6.000		
87	Cải tạo, chỉnh trang các tiểu ngõ phía Đông thôn Sơn Du, xã Nguyễn Khê (ngõ 1, 2, 3)			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	Các tuyến đường hiện có L=589,36m	7372/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	4.624		2.594	2.030	1.400		1.400		
88	Cải tạo, chỉnh trang các tiểu ngõ phía Tây thôn Sơn Du, xã Nguyễn Khê (ngõ 4, 5, 6)			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	Các tuyến đường hiện có L=720,75m	7371/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	6.149		4.119	2.030	2.500		2.500		
89	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 1 thôn Cán Khê, xã Nguyễn Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	L=420m	7664/QĐ-UBND ngày 20/05/2025	32.084		31.234	850	20.129		20.129		

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
90	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ QL3 qua nhà máy Tuấn Long đến đường sắt xóm 4 thôn Nguyễn Khê, xã Nguyễn Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Chiều dài khoảng 400m	7492/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	14.781		11.581	3.200	10.730		10.730		
91	Cải tạo, chỉnh trang các tiểu ngõ xóm Đông thôn Khê Nữ, xã Nguyễn Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Các tuyến đường có L=958m	7489/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	9.793		5.253	4.540	3.000		3.000		
92	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường ngõ xóm Còi, xóm Lác, thôn Trung Oai, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	L=976m	4044/QĐ-UBND ngày 22/03/2025	8.640		2.880	5.760	1.000		1.000		
93	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 1 thôn Đầm, xã Vân Nội			1	Xã Phúc Thịnh	2022-2026	L=321,12	7299/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	25.775		19.725	6.050	16.000		16.000		
<b>Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước</b>				<b>13</b>	-	-	-	-	<b>151.341</b>	-	<b>129.739</b>	<b>21.602</b>	-	<b>96.865</b>	-	<b>96.865</b>	-
94	Xây dựng công viên cây xanh phía đông nhà văn hoá thôn Lê Pháp, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	S=3.188m2	5268/QĐ-UBND ngày 11/04/2025	10.141		9.101	1.040	4.820		4.820		
95	Xây dựng khu cây xanh, thể dục thể thao phía sau nhà văn hóa thôn Tiên Kha, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	S=2.005m2	6229/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	8.023		6.526	1.497	4.640		4.640		
96	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng khu vui chơi trước làng thôn Sơn Du, xã Nguyễn Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	4 tuyến đường với tổng L=359,73m, Cải tạo phần thoát nước, thay thế lan can cầu ao, ...	7490/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	4.143		2.943	1.200	2.000		2.000		
97	Xây dựng công viên cây xanh phía tây làng Cổ Dương, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	S=8.950m2	7428/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	22.184		19.245	2.939	14.810		14.810		
98	Xây dựng công viên cây xanh phía bắc thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	S=13.432m2	11937/QĐ-UBND ngày 24/06/2025	23.787		21.645	2.142	17.630		17.630		
99	Xây dựng khu cây xanh, bãi đỗ xe thôn Viên Nội trên, xã Vân Nội			1	Xã Phúc Thịnh	2023-2026	S=1825m2	7420/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	6.025		4.025	2.000	3.500		3.500		
100	Xây dựng bãi đỗ xe tỉnh và công viên mini tại xứ Đổng Cao thôn Cổ Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	S=4.500m2	4983/QĐ-UBND ngày 03/04/2025	12.049		9.723	2.326	8.510		8.510		
101	Xây dựng bãi đỗ xe phía bắc thôn Lê Pháp, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	S=6.809,9m2	6755/QĐ-UBND ngày 12/05/2025	16.594		13.932	2.662	11.450		11.450		

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
102	Xây dựng khu cây xanh, bãi đỗ xe phía nam thôn Tuấn Lễ (giáp khu nhà ở xã hội)			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	S=1.581,59m2	6759/QĐ-UBND ngày 12/05/2025	5.423		4.421	1.002	3.260		3.260		
103	Xây dựng bãi đỗ xe phía đông thôn Lê Pháp, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	S=1.475m2	6758/QĐ-UBND ngày 12/05/2025	5.683		4.679	1.004	3.055		3.055		
104	Xây dựng khu cây xanh, bãi đỗ xe phía tây đội 3 thôn Trung Oai, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	S=3840m2	7630/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	10.325		9.107	1.218	5.840		5.840		
105	Xây dựng bãi đỗ xe kết hợp trồng cây xanh phía Tây thôn Cổ Dương, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	S=5.828m2	7504/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	14.895		12.353	2.542	10.350		10.350		
106	Hoàn thiện hạ tầng, khu cây xanh trước cửa đền Sơn Du, xã Nguyên Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Đổ bê tông đường vào đền, xây dựng bãi đỗ xe, nhà vệ sinh, hoàn thiện hạ tầng cây xanh, chiếu sáng	1942/QĐ-UBND ngày 2/12/2025	12.069		12.039	30	7.000		7.000		
<b>Lĩnh vực công trình công cộng tại các đô thị</b>				<b>8</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.455.698</b>	<b>-</b>	<b>1.345.470</b>	<b>110.228</b>	<b>-</b>	<b>199.950</b>	<b>-</b>	<b>181.750</b>	<b>-</b>
107	Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Mỹ Nội, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2023	S=3.75ha	Số 10105/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	146.407		120.676	25.731	40.000		40.000		
108	Xây dựng hoàn thiện HTKT phía Bắc, xóm Núi, thôn Tiên Hùng, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2024	6,5 ha	3598/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	141.206		125.965	15.241	21.825		21.825		
109	Xây dựng hoàn thiện HTKT xóm Nguyễn, thôn Tiên Hùng, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2024	S=7,8ha	3599/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	216.583		193.237	23.346	33.525		33.525		
110	Xây dựng hoàn thiện HTKT xóm Tiên, thôn Tiên Hùng, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2024	7,99ha	3600/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	283.159		254.391	28.768	41.750		41.750		
111	Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Khê Nữ 5, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2024	6,1ha	3601/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	125.022		112.938	12.084	10.000		10.000		
112	Xây dựng khu cây xanh, bãi đỗ xe đường 23B, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2021-2026	1,87ha	7993/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	190.674		187.909	2.765	18.200		18.200		
113	Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Lương Nỗ 1, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2024	3,42ha	1462/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	77.570		77.031	539	8.650		8.650		

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
114	Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất phía Tây thôn Thổ Bảo, xã Vân Nội, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2021	Tổng diện tích khu đất nghiên cứu khoảng 13,01ha	1623/QĐ-UBND ngày 24/11/2025	275.077		273.324	1.753	26.000		26.000		
	<b>Lĩnh vực nông nghiệp</b>			<b>1</b>		-	-	-	<b>12.595</b>	-	<b>12.301</b>	<b>294</b>	<b>7.000</b>	-	<b>7.000</b>	-	
115	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường số 7, phục vụ hạ tầng sản xuất nông nghiệp thôn Thụy Hà, xã Bắc Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường và mương nội đồng L=2555m	1943/QĐ-UBND ngày 2/12/2025	12.595		12.301	294	7.000		7.000		
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực thương mại</b>			<b>2</b>		-	-	-	<b>101.951</b>	-	<b>79.432</b>	<b>22.519</b>	<b>30.800</b>	-	<b>30.800</b>	-	
116	Xây dựng chợ Lấp ghep, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	Xây dựng nhà chợ chính và các khu xung quanh	DA-13457/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	83.493		64.274	19.219	24.800		24.800		
117	Xây dựng chợ dân sinh thôn Nguyễn Khê, xã Nguyễn Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Xây dựng chợ dân sinh, S=5272m2	7497/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	18.458		15.158	3.300	6.000		6.000		
<b>IX</b>	<b>Lĩnh vực khác - Lĩnh vực HTKT tái định cư</b>			<b>17</b>		-	-	-	<b>2.950.718</b>	-	<b>1.956.969</b>	<b>993.749</b>	<b>461.833</b>	-	<b>273.298</b>	-	
119	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất A1, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2020	Tổng diện tích khu đất nghiên cứu khoảng 18.98ha	10479/QĐ-UBND ngày 13/06/2025	437.598		386.862	50.736	84.336		84.336		
120	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất A2, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	S=10,73ha	3823/QĐ-UBND ngày 02/05/2024	215.847		183.895	31.952	36.235				
121	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất A3, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	S=7,38ha	6241/QĐ-UBND ngày 24/06/2024	152.476		128.884	23.592	36.198				
122	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất A4, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	S=16,5ha	10120/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	383.116		330.954	52.162	62.309				
123	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất phía Đông Nam thôn Trung Oai, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2020	9,99ha	14605/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	213.846		153.654	60.192	62.000		62.000		
124	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất B3, phía Đông Nam thôn Tiên Kha, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	16,19ha	11851/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	307.343		165.619	141.724	53.293				
125	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất B4, phía Tây Bắc thôn Tuân Lễ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2020	18.89ha	11852/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	367.879		153.439	214.440	50.000		50.000		

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
126	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất phía Tây xóm Ba, xã Vân Nội, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2020	8,63ha	3622/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	183.260		151.874	31.386	19.000		19.000		
127	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất B1, phía Nam thôn Trung Oai, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2020	4,9ha	8219/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	111.678		70.178	41.500	20.000		20.000		
128	Xây dựng HTKT khu đầu giá QSD đất Nguyễn Khê 1 (Khu vực xóm 6, thôn Nguyễn Khê)			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2020	2,73ha	7366/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	81.562		35.974	45.588	2.000		2.000		
129	Xây dựng khu tái định cư và đầu giá QSD đất thôn Tuân Lễ, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2021	3.21ha	11134/QĐ-UBND ngày 16/06/2025	122.655		26.615	96.040	200		200		
130	Xây dựng khu đầu giá QSD đất và tái định cư BH1, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2021	9.33ha	14773/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 Điều chỉnh: 1728/QĐ-UBND ngày 14/04/2023	214.610		73.153	141.457	22.900		22.900		
131	Xây dựng khu đầu giá QSD đất Thôn Đoài 2, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2022	0,85ha	14769/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 Điều chỉnh: 6138/QĐ-UBND ngày 25/07/2023	26.510		13.944	12.566	362		362		
132	Xây dựng khu đầu giá QSD đất Thôn Đoài 3, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2023-2026	0,66ha	14770/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	22.547		11.791	10.756	500		500		
133	Xây dựng HTKT khu đất X1, thôn Địa, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh để đầu giá QSD đất nhằm tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới (Giai đoạn 2)			1	Xã Phúc Thịnh	2023-2026	1,1ha	7798/QĐ-UBND ngày 12/09/2023	25.556		13.413	12.143	2.000		2.000		
134	Xây dựng HTKT thôn Đoài 4, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh để đầu giá QSD đất			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	1,54ha	10538/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	60.179		39.695	20.484	5.500		5.000		
135	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất phía Bắc thôn Đoài, xã Nam Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	San nền các ô đất hạ tầng, xây dựng tuyến đường giao thông L=240m	6717/QĐ-UBND ngày 09/05/2025	24.056		17.026	7.030	5.000		5.000		
X	Lĩnh vực xã hội (lao động thương binh và xã hội)			6	-	-	-	-	69.514	-	33.846	35.668	-	21.440	-	21.440	-

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
136	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang thôn Đồng, xã Nguyên Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	S=12,468m2	7501/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	12.751		5.761	6.990	1.500		1.500		
137	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang xóm Bãi, thôn Lương Nỗ, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2026	S=9000m2	15818/QĐ-UBND ngày 30/12/2024	9.336		3.558	5.778	1.940		1.940		
138	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân thôn Đông Tây, xã Vân Nội			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	S=12558m2	3582/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	14.251		7.220	7.031	5.000		5.000		
139	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân thôn Viên Nội, xã Vân Nội			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	S=19797 m2	3994/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	14.454		5.815	8.639	4.000		4.000		
140	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân thôn Nguyên Khê, xã Nguyên Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	S=32360m2	7388/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	8.246		6.046	2.200	6.000		6.000		
141	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang nhân dân thôn Cán Khê và Lâm Tiên, xã Nguyên Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	S=26786m2	6769/QĐ-UBND ngày 12/05/2025	10.476		5.446	5.030	3.000		3.000		
<b>B</b>	<b>Đồ án quy hoạch</b>			<b>6</b>	-	-	-	-	<b>5.202</b>	-	<b>4.902</b>	<b>300</b>	-	<b>4.130</b>	-	<b>4.130</b>	-
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực các hoạt động kinh tế - Lĩnh vực quy hoạch</b>			<b>6</b>	-	-	-	-	<b>5.202</b>	-	<b>4.902</b>	<b>300</b>	-	<b>4.130</b>	-	<b>4.130</b>	-
1	Quy hoạch phân khu đô thị, tỷ lệ 1/2000 dự án: Xây dựng khu đô thị G1, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2026	43,53ha	Số 7120/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của UBND huyện Đông Anh	649		599	50	590		590		
2	Quy hoạch phân khu đô thị, tỷ lệ 1/2000 dự án: Xây dựng khu đô thị G5, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2026	56,11ha	Số 7123/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của UBND huyện Đông Anh	661	0	611	50	610		610		
3	Quy hoạch phân khu đô thị, tỷ lệ 1/2000 dự án: Xây dựng khu đô thị G17, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2026	20,6ha	Số 7129/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của UBND huyện Đông Anh	528		478	50	470		470		
4	Quy hoạch phân khu đô thị, tỷ lệ 1/2000 dự án: Xây dựng khu đô thị G18, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2026	11,16ha	Số 7130/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của UBND huyện Đông Anh	516		466	50	465		465		

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
5	Quy hoạch phân khu đô thị, tỷ lệ 1/2000 dự án: Xây dựng khu đô thị mới phía Tây Bắc đường Vành đai 3, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2026	386ha	Số 7144/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của UBND huyện Đông Anh	2.197		2.147	50	1.945		1.945		
6	Quy hoạch phân khu đô thị, tỷ lệ 1/2000 dự án Xây dựng khu đô thị G4-1, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2026	48,6ha	7552/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	651		601	50	50		50		
<b>C</b>	<b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>			<b>68</b>					<b>17.740.560</b>	<b>0</b>	<b>17.498.473</b>	<b>15.590</b>	<b>0</b>	<b>21.500</b>	<b>0</b>	<b>21.500</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề</b>			<b>3</b>					<b>779.406</b>	<b>0</b>	<b>779.256</b>	<b>150</b>	<b>0</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>
1	Xây dựng trường THPT tại ô quy hoạch N3.3-2			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	Quy mô tự kiến 30 lớp, chuẩn mức độ	9996/QĐ-UBND ngày 11/06/2025	297.162		297.112	50	0				
2	Xây dựng trường THPT tại ô quy hoạch THPT thuộc Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Trung Oai, thôn Tiên Kha xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	Quy mô tự kiến 30 lớp, đạt chuẩn mức độ	9997/QĐ-UBND ngày 11/6/2025	321.857		321.807	50	0				
3	Xây dựng trường mầm non Bắc Hồng - Nam Hồng			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	Quy mô 20 nhóm lớp, 600 học sinh	9999/QĐ-UBND ngày 11/6/2025	160.387		160.337	50	1.000		1.000		
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực: Văn hóa, thông tin</b>			<b>9</b>					<b>423.645</b>	<b>0</b>	<b>422.895</b>	<b>750</b>	<b>0</b>	<b>1.700</b>	<b>0</b>	<b>1.700</b>	<b>0</b>
4	Tu bổ, tôn tạo, phục dựng và phát huy giá trị khu di tích Địa đạo Nam Hồng, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	Tu bổ, tôn tạo di tích	29/NQ-HDND ngày 17/7/2024	200.081		199.981	100	100		100		
5	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Nguyễn Khê, xã Nguyễn Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Tu bổ, tôn tạo di tích	5523/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	39.765		39.665	100	200		200		
6	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Sơn Du, xã Nguyễn Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Tu bổ, tôn tạo di tích	5525/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	26.570		26.470	100	200		200		
7	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Sơn Du, xã Nguyễn Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Tu bổ, tôn tạo di tích	5524/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	19.754		19.654	100	200		200		
8	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Ba Voi, xã Nguyễn Khê			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	Tu bổ, tôn tạo	7078/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	14.058		14.008	50	200		200		
9	Tu bổ, tôn tạo di tích miếu (đền) Cổ Dương, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Tu bổ, tôn tạo di tích	5519/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	5.480		5.430	50	200		200		
10	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Cổ Dương, xã Tiên Dương (giai đoạn 2)			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Tu bổ, tôn tạo di tích	5520/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	41.179		41.079	100	200		200		

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
11	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Trung Oai, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	Tu bổ, tôn tạo di tích	5518/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	47.055		46.955	100	200		200		
12	Xây dựng nhà văn hóa kết hợp khu cây xanh phía Nam thôn Thổ Bào, xã Vân Nội			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	S=7000m2	1349/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 Điều chỉnh: 46663/QĐ-UBND ngày 28/03/2025	29.703		29.653	50	200		200		
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực giao thông</b>			<b>19</b>					<b>8.620.042</b>	<b>0</b>	<b>8.609.184</b>	<b>10.858</b>	<b>0</b>	<b>7.000</b>	<b>0</b>	<b>7.000</b>	<b>0</b>
13	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-1			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	36,17ha	6722/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	764.697		763.897	800	400		400		
14	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-2			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	33,5ha	6723/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	771.502		770.702	800	400		400		
15	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-3			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	44,67ha	6724/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	873.715		872.915	800	300		300		
16	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-4			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	16,71ha	6725/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	327.324		325.828	1.496	400		400		
17	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-5			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	45,43ha	6726/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	858.413		857.913	500	500		500		
18	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-6			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	35,09ha	6727/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	665.612		663.940	1.672	400		400		
19	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-7			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	17ha	6728/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	297.995		297.245	750	500		500		
20	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-8			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	12ha	6729/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	222.330		221.680	650	400		400		
21	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-9			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	33ha	6730/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	595.691		594.691	1.000	600		600		
22	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-10			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	170ha	6731/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	1.783.318		1.782.818	500	800		800		

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
23	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-11			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	38ha	6732/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	818.178		817.378	800	400			400	
24	GPMB, xây dựng hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật ô đất ĐG-12			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	23ha	6733/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	518.002		517.202	800	400			400	
25	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 3 thôn Tiên Kha, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2023-2026	L=215m	2136/QĐ-UBND ngày 30/03/2022	14.322		14.282	40	300			300	
26	Đầu tư xây dựng tuyến đường số 1 thôn Tiên Kha, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2023-2026	L=250m	2134/QĐ-UBND ngày 30/03/2022	14.997		14.957	40	300			300	
27	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 3 thôn Lương Nỗ, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2023-2026	L=370m	2131/QĐ-UBND ngày 30/03/2022	33.471		33.431	40	300			300	
28	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 2 thôn Tiên Kha, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2023-2026	L=250m	2135/QĐ-UBND ngày 30/03/2022	13.052		13.012	40	300			300	
29	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường số 2 thôn Thổ Bảo, xã Vân Nội			1	Xã Phúc Thịnh	2022-2026	L=137m	2048/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	9.292		9.262	30	100			100	
30	Cải tạo vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Vân Trì đi Vĩnh Ngọc (đoạn từ tiếp giáp đường 23B đi ngã 3 Kim Nỗ), xã Vân Nội			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	L=1700m	7258/QĐ-UBND ngày 16/05/2025	18.249		18.199	50	100			100	
31	Cải tạo vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Viên Nội (từ ngã 3 Kim Nỗ đến cầu sông Thiếp), xã Vân Nội			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2027	L=1750m	7257/QĐ-UBND ngày 16/05/2025	19.882		19.832	50	100			100	
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật</b>			<b>23</b>					<b>5.683.015</b>	<b>0</b>	<b>5.453.326</b>	<b>3.192</b>	<b>0</b>	<b>7.700</b>	<b>0</b>	<b>7.700</b>	<b>0</b>
32	Xây dựng HTKT khu cây xanh phía Bắc xóm Đằm, xã Vân Nội, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2021-2025	17ha	5808/QĐ-UBND ngày 10/9/2020	273.865		272.745	1.400	500			500	
33	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đấu giá QSD đất thôn Cán Khê 2, xã Phúc Thịnh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2029	8,44ha	1588/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	208.221		207.521	700	1.000			1.000	
34	Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Lê Pháp, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh.			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2024	7,73ha	QĐ GNV số 7607/QĐ-UBND ngày 17/7/2024	246.718		246.718	-	200			200	
35	Xây dựng hoàn thiện HTKT khu cây xanh phía Đông thôn Thượng Phúc, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2024	15,19ha	QĐ GNV 5208/QĐ-UBND ngày 04/6/2024	387.241		387.241	-	200			200	

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
36	Xây dựng hoàn thiện HTKT thôn Cán Khê 1, xã Nguyễn Khê, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2024	11,1ha	10961/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	292.769		292.269	500	100			100	
37	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo Quy hoạch tại thôn Địa, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	11,72ha	1903/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	221.373		220.873	500	1.000			1.000	
38	Xây dựng HTKT thôn Lương Nỗ 2, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2025	5,84ha	QĐ GNV số 11374/QĐ-UBND Ngày 06/11/2024	110.564		110.564	-	200			200	
39	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch khu vực Đồi Thông, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	9,4ha	QĐ GNV số 1395/QĐ-UBND ngày 21/02/2025	127.305		127.305	-	200			200	
40	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch phía Tây xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2025	8,1ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	292.296		292.296	-	200			200	
41	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch thôn Phú Liễn và thôn Thụy Hà, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2025	8,3ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	285.856		285.856	-	200			200	
42	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch thôn Sơn Du, xã Nguyễn Khê, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	7,8ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	221.451		221.451	-	200			200	
43	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch thôn Đại Bàng, xã Nguyễn Khê, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	5,7ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	142.578		142.578	-	200			200	
44	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch VN1, xã Vân Nội, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	2,9ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	76.314		76.314	-	500			500	
45	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch VN2, xã Vân Nội, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	3,2ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	86.319		86.319	-	500			500	
46	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch VN4, xã Vân Nội, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	4,3ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	110.097		110.097	-	500			500	

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
47	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch VN8, xã Vân Nội, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	5ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	124.383		124.383	-	500		500		
48	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch Thị trấn 4, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	6,1ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	193.277		193.277	-	300		300		
49	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch Thị trấn 5, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	5,3ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	170.261		170.261	-	200		200		
50	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch Thị trấn 6, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	6,1ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	190.400		190.400	-	200		200		
51	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu cây xanh phía Nam đường 23B, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	49ha	QĐ GNV Số 5448/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	800.000		800.000	-	200		200		
52	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu cây xanh phía Tây Nam đường 23B, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	27ha	QĐ GNV Số 5448/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	500.000		500.000	-	200		200		
53	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch phía Đông thôn Đồng, xã Phúc Thịnh			1	Xã Phúc Thịnh	2026-2030	29,9ha	1589/QĐ-UBND ngày 21/11/2025	527.992		301.215	-	200		200		
54	Xây dựng hoàn thiện HTKT phía Tây thôn Quan Âm, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2024-2027	5,53ha	7145/QĐ-UBND ngày 05/7/2024	93.735		93.643	92	200		200		
V	<b>Lĩnh vực khác</b>			<b>14</b>					<b>2.234.452</b>	<b>0</b>	<b>2.233.812</b>	<b>640</b>	<b>0</b>	<b>4.100</b>	<b>0</b>	<b>4.100</b>	<b>0</b>
55	Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất Nguyễn Khê 2 (Khu vực xóm 6 thôn Nguyễn Khê)			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2022	10,8ha	217/NQ-UBND ngày 28/02/2010	272.498		272.198	300	500		500		
56	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất tại trung tâm xã Vân Nội, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2025	2,9ha	Số 511/QĐ-UBND ngày 22/2/2023	71.224		70.924	300	300		300		
57	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Tiên Dương 1, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2025	7,17ha	QĐ GNV số 11182/QĐ-UBND Ngày 04/11/2024	192.748		192.748	-	200		200		

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
58	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Tiên Dương 2, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2025	2,27ha	QĐ GNV số 11182/QĐ-UBND Ngày 04/11/2024	83.418		83.418	-	200		200		
59	Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất Tiên Dương 3, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2025	11,05ha	QĐ GNV số 11182/QĐ-UBND Ngày 04/11/2024	291.364		291.364	-	200		200		
60	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đấu giá QSD đất thôn Bến Trung, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2025	8,3ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	282.756		282.756	-	200		200		
61	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đấu giá QSD đất thôn Quan Âm, xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	Sau năm 2025	5,8ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	215.131		215.131	-	200		200		
62	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đấu giá QSD đất thôn Khê Nữ, xã Nguyễn Khê, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	3,5ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	69.614		69.614	-	200		200		
63	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đấu giá QSD đất VN5, xã Vân Nội, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	5,6ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	147.851		147.851	-	500		500		
64	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đấu giá QSD đất VN6, xã Vân Nội, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	7,9ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	203.101		203.101	-	500		500		
65	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đấu giá QSD đất VN7, xã Vân Nội, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	5,4ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	140.684		140.684	-	500		500		
66	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đấu giá QSD đất Thị trấn 1, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	1,7ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	63.112		63.112	-	200		200		
67	Xây dựng hoàn thiện HTKT theo quy hoạch kết hợp đấu giá QSD đất thôn Thị trấn 7, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh			1	Xã Phúc Thịnh	2025-2028	5,9ha	QĐ GNV số 3923/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	187.523		187.523	-	200		200		

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế (quy mô)	Tổng dự toán được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2026-2030	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12 2025	Dự toán năm 2026			
		A	B	C				Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
																Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
68	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng phía Đông thôn Tiên Kha, xã Tiên Dương			1	Xã Phúc Thịnh	2023-2026	S=1400m2	10188/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 Điều chỉnh: 4247/QĐ-UBND ngày 24/03/2025	13.428		13.388	40	200		200		
<b>C</b>	<b>Dự toán chưa phân bổ</b>												<b>166.840</b>		<b>166.840</b>		
	Giải ngân linh hoạt (để bố trí cho các dự án đã có QTDAHT và một số dự án CBĐT, chi phí GPMB, thiết kế BVTC trong năm hoặc thực hiện theo Kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền)												100.000		100.000		
	Tiết kiệm 5% chi đầu tư để bổ sung nguồn đầu tư công trình đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng												66.840		66.840		